

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày: 14/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cần

Ông Nguyễn Văn Hiền

Thư ký phiên toà: Ông Giang Tiên Hiệp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Lò Thị Kéo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Thào A D**, tên gọi khác: không, Sinh năm: 1983.

Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Thào A P, sinh năm 1952. Con bà Vàng Thị D, sinh năm 1962. Gia đình bị cáo có bảy anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Lù Thị D, sinh năm 1986. Con: Bị cáo có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị khởi tố, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu từ ngày 21/01/2021 cho đến nay. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Giàng A C**, tên gọi khác: không, Sinh năm 1983.

Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Giàng A D, (đã chết). Con bà Sùng Thị M, sinh năm 1954. Gia đình bị cáo có sáu anh, chị, em, bị cáo là con thứ

năm trong gia đình. Vợ: Thào Thị I, sinh năm 1984. Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị khởi tố, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu từ ngày 21/01/2021 cho đến nay. *(Có mặt)*.

* **Bị hại:** Thào A T, sinh 1999.

- Trú tại: Bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. *(vắng mặt)*.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Lù Thị D1, sinh năm 1986

- Trú tại: B, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. *(có mặt)*.

* **Người bào chữa cho** các bị cáo: Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/12/2020, Thào A D sinh năm 1983, trú tại bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu sang nhà Giàng A C sinh năm 1983, trú cùng bản chơi. Đến nhà C thì thấy C đang ăn cơm nên D ngồi chờ, khoảng 15 phút sau C ăn cơm xong thì D và C cùng nhau ngồi nói chuyện, D nói với C “*bây giờ đi bắt chuột về ăn, nếu trên đường đi thấy con gì hoặc thứ gì có giá trị thì bắt trộm đem bán lấy tiền*”, nghe D nói vậy C đồng ý. Sau đó D và C mỗi người cầm theo 01 chiếc đèn pin và D nhặt 01 đoạn dây thừng được buộc với 01 đoạn dây vải màu xanh chiều dài khoảng 1,8m tại nhà của C rồi cắt đoạn dây thừng vào túi quần bên trái đang mặc rồi cùng nhau đi. Đến khoảng 22 giờ 00 phút, do không bắt được chuột nên D và C cùng nhau đi về, trên đường về thì D phát hiện có 02 con dê cái đều có lông màu nâu – đen của gia đình anh Thào A T sinh năm 1999, trú cùng bản đang nằm ngủ trên tảng đá. Lúc này, D nảy sinh ý định trộm cắp 02 con dê nên nói với C là đứng đợi, D một mình tiến lại gần 02 con dê đang nằm ngủ trên tảng đá rồi dùng đoạn dây mà D mang theo buộc vào đầu con dê cái to hơn (*con dê mẹ*) rồi kéo con dê về chỗ C đang đứng đợi, lúc này con dê con cũng chạy theo, khi đến chỗ C đứng đợi, C biết là 02 con dê trên là do D trộm cắp (*vì D và C có sự thỏa thuận từ trước về việc đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp*) nên đã cùng D đuổi 02 con dê về khu vực đồi Há Pai, thuộc bản Thào, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên và buộc dê tại bụi cây. Sau đó, D và C cùng nhau về nhà C ngủ để gần sáng sẽ mang 02 con dê này đi bán. Khoảng 01 giờ đến 02 giờ sáng, ngày 10/12/2020, D dậy đi về nhà lấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER biển kiểm soát 88L1 - 320.94 của gia đình chở C đến vị trí buộc con dê để cùng nhau mang đi bán. Đến chỗ buộc dê C dắt dê, còn D ngồi trên xe mô tô không nổ máy mà thả trôi dốc đi theo sau C, đồng thời bật đèn pin để soi sáng cho C đi. Khi D và C dắt dê đi đến khu vực thuộc bản Mít Nội, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên do chó sủa nhiều nên nhiều người dân tỉnh dậy và soi đèn pin, D và C sợ bị phát hiện nên bỏ lại 02 con dê rồi cùng nhau bỏ chạy.

Ngày 10/12/2020, anh Thào A T phát hiện 02 con dê bị trộm cắp nên anh T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên trình báo. Cùng ngày Cơ quan CSĐT

Công an huyện Tân Uyên đã triệu tập D và C lên làm việc, tại Cơ quan điều tra D và C đã thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra D và C còn khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 12 năm 2020, D và C còn trộm cắp 01 con dê cái, màu lông nâu - đen nặng khoảng 20kg tại khu vực thuộc bản Thào, xã Hố Mít huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Sau đó, D và C mang đi bán cho 01 người nam giới lạ mặt tại khu vực xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu được số tiền 2.100.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã T báo tìm chủ sở hữu nhưng không tìm được. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên không có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên kết luận 01 con dê cái màu lông nâu - đen, có trọng lượng 36kg, trị giá 4.680.000 đồng; 01 con dê cái màu lông nâu - đen, có trọng lượng 31kg, trị giá 4.030.000 đồng. Tổng giá trị của 02 con là: 8.710.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 con dê cái màu lông nâu - đen; 01 đoạn dây thừng dài 1,05m nối với đoạn dây vải màu xanh dài 78cm; 01 chiếc đèn pin có vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh, có dây đeo, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đỏ, đen - bạc; BKS 88L1 - 320.94, không kiểm tra chất lượng bên trong. Quá trình điều tra xác định 02 con dê cái màu lông nâu - đen trên là tài sản hợp pháp của anh Thào A T sinh năm 1999, trú tại bản T, xã H, huyện T. Ngày 21/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại số vật chứng trên cho anh Thào A T.

Quá trình điều tra xác định 01 chiếc đèn pin có vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh, có dây đeo, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đỏ, đen - bạc; BKS 88L1 - 320.94 của vợ chồng Thào A D và Lù Thị D1 khi D sử dụng số vật chứng này thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì chị D1 hoàn toàn không biết gì. Ngày 10/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại số vật chứng trên cho chị Lù Thị D1. Đối với chiếc đèn pin của C dùng vào thực hiện hành vi phạm tội (do C làm rơi mất), ngày 15/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã T báo truy tìm vật chứng tại các vị trí theo lời khai của bị cáo nhưng không thấy.

Về dân sự: Bị hại anh Thào A T đã nhận lại tài sản do D và C trộm cắp, những tài sản trên không thiệt hại gì, mà chỉ yêu cầu bồi thường công tìm kiếm dê bị mất trộm đối với các bị cáo D và C với số tiền 1.500.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại anh Thào A T nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-TU, ngày 29/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên truy tố các bị cáo Thào A D và Giàng A C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 331 Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Xử phạt bị cáo Thào A D từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Giàng A C từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Còn phần trách nhiệm dân sự bị hại không đề nghị bồi thường nên không phải giải quyết.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên.

Người bào chữa phân tích, đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 3 Điều 54; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án mức án thấp nhất, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, người bào chữa trong quá trình xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Các bị cáo là những đối tượng lười lao động, muốn hưởng lợi những gì có sẵn, không phải mất mồ hôi công sức, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, của người dân nên khoảng 22 giờ 00 phút ngày 09/12/2020, tại bản Thào, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Thào A D và Giàng A C, đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 02 con dê cái đều có màu lông nâu - đen của gia đình anh Thào A T 01 con có trọng lượng 36kg trị giá 4.680.000 đồng; 01 con dê có trọng lượng 31kg trị giá 4.030.000 đồng. Tổng giá trị của 02 con dê là: 8.710.000 đồng. Mục đích mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của các bị cáo Thào A D và Giàng A C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật. Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, i, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của người bào chữa là có căn cứ cần chấp nhận. Nhưng không chấp nhận xét xử các bị cáo mức án thấp nhất. Do vậy đề nghị của người bào chữa không được chấp nhận.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo sinh ra và lớn lên được bố, mẹ nuôi dưỡng không được đi học ở nhà phụ giúp gia đình và xây dựng gia đình. Ngày 09/12/2020 hai bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 21/01/2021 các bị cáo bị khởi tố.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối các với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, kinh tế khó khăn các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản mà các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại tiền công tìm kiếm 1.500.000 đồng cho bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Hành vi của các bị cáo Thào A D, Giàng A C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một mức án phù hợp, tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo cải tạo, giáo dục thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên, các bị cáo khó khăn về kinh tế, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng gì. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ngày hôm nay bị hại Thào A T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại Cơ quan điều tra bị hại Thào A T không đề nghị các bị cáo bồi thường vì tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và đã nhận được, đồng thời công tìm kiếm để bị mất trộm đã được các bị cáo bồi thường 1.500.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[6] Về vật chứng còn lại: 01 đoạn dây thừng dài 1,05m buộc nối với 01 đoạn dây vải màu xanh dài 0,78m không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Những vấn đề có liên quan: Đối với chị Lù Thị D1 là vợ của bị cáo D, khi D dùng chiếc xe mô tô, 01 đèn pin là tài sản chung của vợ chồng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra chị D1 không biết D dùng chiếc xe và đèn pin vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do đó cần miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47; Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thào A D, Giàng A C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: - Xử phạt bị cáo Thào A D 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Giàng A C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng dài 1,05m buộc nối với 01 đoạn dây vải màu xanh dài 0,78m.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 10 phút, ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa cơ quan CSĐT – Công an huyện Tân Uyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết lên tòa án cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Thanh